



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN PHÍA NAM
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31/12/2015

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
- Bảng cân đối kế toán	06 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 09
- Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 38

117
NG T
HIỆM H
U T
H K
EM
A N
P. H

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu phố Cây Chàm, P Thanh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao cấp trình bày Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2015 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là "Công ty") – được cổ phần hóa từ Nhà máy Gạch ngói Cao Cấp trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (nay là Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương) - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế với mã số doanh nghiệp 3700762464 (đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 16/12/2014) và vốn điều lệ là 46.683.000.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 46.683.000.000 đồng.

Trụ sở của Công ty: 246 Khu phố Cây Chàm, Phường Thanh Phước, Thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Điện thoại : 0650.3.658.278

Fax: 0650.3.625.379

Hoạt động chính của Công ty:

- Khai thác khoáng sản sét gạch ngói;
- Khai thác sản phẩm phụ cát xây dựng (Chỉ hoạt động sau khi được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản);
- Sản xuất gạch ngói bằng lò Tuynel;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi (trừ hoạt động bãi cát);
- Xây dựng lò tuynel;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ nung đốt gạch ngói đất sét bằng lò tuynel;
- Trồng cây cao su;

Các sự kiện sau ngày kết thúc kế toán năm 2015

Sau ngày kết thúc kế toán năm 2015 đến ngày lập Báo cáo tài chính không có sự kiện bất thường nào xảy ra.

Hội đồng quản trị Công ty:

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Mai Văn Chánh	Việt Nam	Chủ tịch	19/03/2011	
- Ông Huỳnh Thanh Sơn	Việt Nam	Thành Viên	19/03/2011	
- Ông Lê Minh Hoàng	Việt Nam	Thành Viên	19/03/2011	10/04/2015
- Ông Phạm Ngũ Cơ	Việt Nam	Thành Viên	19/03/2011	
- Ông Trần Thiện Thế	Việt Nam	Thành Viên	19/03/2011	



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu phố Cây Chàm, P Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương.

Ban giám đốc Công ty:

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Đỗ Thành Lộc	Việt Nam	Quyền Giám đốc	05/11/2014	
		Giám đốc	05/12/2014	
- Ông Trương Văn Hiện	Việt Nam	Phó Giám đốc	05/12/2014	

Ban kiểm soát:

<u>Thành viên</u>	<u>Quốc tịch</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Bổ nhiệm từ</u>	<u>Mãn nhiệm từ</u>
- Ông Nguyễn Hồng Châu	Việt Nam	Trưởng ban	19/03/2011	
- Ông Huỳnh Vĩnh Thành	Việt Nam	Thành viên	19/03/2011	
- Bà Trần Thị Thu Hương	Việt Nam	Thành viên	19/03/2011	

Kế toán trưởng

- Ông Hứa Ngọc Chính	Việt Nam		01/12/2006	
----------------------	----------	--	------------	--

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCs) được chỉ định làm công tác kiểm toán cho Công ty.

Công bố trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc lập báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Hội đồng quản trị Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn.
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng.
- Các chuẩn mực kế toán được tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính này.
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu phố Cây Chàm, P Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương.

tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời, có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Dương, ngày 14 tháng 03 năm 2016

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Mai Văn Chánh

Số: 91 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao Cấp
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**Kính gửi : HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là Công ty), được lập ngày 14/03/2016, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Gạch ngói Cao Cấp tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 03 năm 2016

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam - AASCS**

Phó Tổng Giám Đốc



Đinh Thế Đường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0342-2013-142-1

Kiểm toán viên

Lưu Vinh Khoa

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0166-2013-142-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Xem TM VIII.10)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A . TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.800.681.629	26.022.236.930
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	9.690.679.792	9.726.081.851
1. Tiền	111		1.690.679.792	1.226.081.851
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	8.500.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	1.000.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	VI.3	-	1.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.478.499.732	1.356.481.028
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.2	1.137.786.207	298.957.046
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		74.700.000	146.600.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.4	266.013.525	910.923.982
IV. Hàng tồn kho	140		14.132.045.000	12.404.080.078
1. Hàng tồn kho	141	VI.5	14.132.045.000	12.404.080.078
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		499.457.105	1.535.593.973
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.7	487.297.704	1.508.242.718
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	VI.10	12.159.401	27.351.255
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.005.964.373	35.911.514.770
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		255.191.821	232.238.061
6. Phải thu dài hạn khác	216		255.191.821	232.238.061
II. Tài sản cố định	220		6.585.868.486	6.588.804.296
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.6	6.585.868.486	6.588.804.296
- Nguyên giá	222		19.037.762.299	17.565.463.454
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(12.451.893.813)	(10.976.659.158)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		34.164.904.066	29.090.472.413
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.7	33.377.483.377	27.769.199.440
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.14	787.420.689	408.974.128
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	912.298.845
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		66.806.646.002	61.933.751.700

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Xem TM VIII.10)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		6.578.572.356	7.666.859.849
I. Nợ ngắn hạn	310		6.310.194.132	7.477.621.945
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.8	951.523.006	1.132.049.856
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	VI.9	11.084.365	2.866.053.818
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	VI.10	3.498.443.766	2.071.422.268
4. Phải trả người lao động	314		172.648.000	121.620.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.11	282.000.000	88.488.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.12	577.713.569	452.559.093
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		816.781.426	745.428.910
II. Nợ dài hạn	330		268.378.224	189.237.904
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI.14	3.752.778	6.040.888
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	VI.13	264.625.446	183.197.071
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		60.228.073.646	54.266.891.851
I. Vốn chủ sở hữu	410	VI.15	60.228.073.646	54.266.891.851
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		46.683.000.000	46.683.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		46.683.000.000	46.683.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(730.457.045)	(730.457.045)
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		6.845.362.752	5.753.462.859
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.430.167.939	2.560.886.037
- Lợi nhuận chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		241.736.037	-
- Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	421b		7.188.431.902	2.560.886.037
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		66.806.646.002	61.933.751.700

Bình Dương, ngày 14 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu



Hứa Ngọc Chính

Kế toán trưởng



Hứa Ngọc Chính

Giám đốc



Đỗ Thành Lộc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	48.971.291.965	50.391.055.169
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.2	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VII.3	48.971.291.965	50.391.055.169
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.4	30.017.724.531	32.978.447.413
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.953.567.434	17.412.607.756
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.5	270.421.350	606.892.445
7. Chi phí tài chính	22	VII.6	-	840.000
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	840.000
8. Chi phí bán hàng	25	VII.9	717.723.495	542.292.739
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.9	4.293.321.644	4.725.779.991
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}	30		14.212.943.645	12.750.587.471
11. Thu nhập khác	31	VII.7	111.744.176	461.911.191
12. Chi phí khác	32	VII.8	186.463.061	7.099.041
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(74.718.885)	454.812.150
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		14.138.224.760	13.205.399.621
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.11	3.599.960.449	3.177.591.200
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.12	(380.734.616)	(255.824.522)
17. Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		10.918.998.927	10.283.632.943
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.13	1.985	1.882
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VII.14	1.985	1.882

Bình Dương, ngày 14 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Hứa Ngọc Chính



Hứa Ngọc Chính



Đỗ Thành Lộc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Phương pháp trực tiếp)

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH				
1- Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu	01		51.271.936.100	51.620.417.171
2- Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(21.569.542.251)	(22.243.120.470)
3- Tiền chi trả cho người lao động	03		(9.626.976.850)	(10.006.306.147)
4- Tiền lãi vay đã trả	04		-	(840.000)
5- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2.323.116.808)	(3.424.296.694)
6- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		887.379.914	2.657.931.343
7- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07		(9.691.427.152)	(10.248.195.231)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		8.948.252.953	8.355.589.972
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.012.914.500)	(9.425.658.418)
2- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	391.000.000
3- Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.000.000.000)
4- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.000.000.000	-
7- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		276.052.433	682.758.185
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(5.736.862.067)	(9.351.900.233)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
4- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	(11.000.000)
6- Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.246.810.000)	(7.885.110.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.246.810.000)	(7.896.110.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50		(35.419.114)	(8.892.420.261)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	VI.1	9.726.081.851	18.617.725.907
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		17.055	776.205
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	VI.1	9.690.679.792	9.726.081.851

Bình Dương, ngày 14 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hứa Ngọc Chính

Hứa Ngọc Chính

Đỗ Thanh Lộc



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu Phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2015 kết thúc ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

I. Đặc điểm hoạt động của Công ty

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Gạch Ngói Cao Cấp (sau đây gọi tắt là "Công ty") – được cổ phần hóa từ Nhà máy Gạch ngói Cao Cấp trực thuộc Công ty Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (nay là Công ty TNHH Một thành viên Vật liệu và Xây dựng Bình Dương) - hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế với mã số doanh nghiệp 3700762464 (đăng ký thay đổi lần thứ tám ngày 16/12/2014) với vốn điều lệ là 46.683.000.000 đồng do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

Vốn góp thực tế của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 46.683.000.000 đồng.

Ngành, nghề kinh doanh:

- Khai thác khoáng sản sét gạch ngói;
- Khai thác sản phẩm phụ cát xây dựng (Chỉ hoạt động sau khi được Cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản);
- Sản xuất gạch ngói bằng lò Tuynel;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi (trừ hoạt động bãi cát);
- Xây dựng lò tuynel;
- Tư vấn, chuyển giao công nghệ nung đốt gạch ngói đất sét bằng lò tuynel;
- Trồng cây cao su;

Hình thức sở hữu vốn: Công ty Cổ phần.

Lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất gạch ngói xây dựng chất lượng cao các loại, khai thác sét để sản xuất gạch ngói và cung cấp cho các nhà sản xuất khác, khai thác cát xây dựng giữa các lớp sét tại mỏ sét.



II. Niên độ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của đầu tiên của Công ty bắt đầu từ ngày 01/12/2006 và kết thúc vào ngày 31/12/2007.

Các niên độ kế toán tiếp theo của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ tài chính đã ban hành thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế ("Thông tư 200"). Thông tư có hiệu lực thực hiện kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 và thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ("Quyết định 15") ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu Phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2015 kết thúc ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được ban hành theo thông tư 200, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm 2015.

Một số chỉ tiêu, khoản mục của Báo cáo tài chính theo thông tư 200 có sự thay đổi so với Quyết định 15. Do vậy, các thông tin so sánh (Số đầu năm, số năm trước) cũng được phân loại lại để đảm bảo tính có thể so sánh được (Xem thuyết minh số VIII.10 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính).

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung.

IV. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

V. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.

Cuối kỳ kế toán, các khoản Tiền gửi ngân hàng, Phải thu bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá mua và các khoản phải trả bằng ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản giao dịch.

2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu Phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2015 kết thúc ngày 31/12/2015

- và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
 - Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý/ nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông quan bên nhận ủy thác;

Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Có thời hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) kể từ thời điểm báo cáo được phân loại là dài hạn.

Lập dự phòng phải thu khó đòi: Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

4. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ thuê tài chính: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu Phố Cây Chàm, P. Thanh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2015 kết thúc ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	12	năm
Máy móc, thiết bị	08	năm
Thiết bị văn phòng	08	năm
Phương tiện vận tải	08	năm

5. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay và các khoản chi phí khác

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay:

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hoá chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hoá.

Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hoá trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí khác:

- **Nguyên tắc vốn hóa chi phí trả trước:** Chi phí trả trước phân bổ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

- **Nguyên tắc vốn hóa chi phí khác:** Chi phí khác phục vụ cho hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, cải tạo, nâng cấp TSCĐ trong kỳ được vốn hoá vào TSCĐ đang được đầu tư hoặc cải tạo nâng cấp đó.

6. Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các khoản chi phí trả trước được theo dõi theo từng kỳ hạn trả trước đã phát sinh, đã phân bổ vào các đối tượng chịu chi phí của từng kỳ kế toán và số còn lại chưa phân bổ vào chi phí.

Phân loại các chi phí trả trước khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian không quá 12 tháng hoặc một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là ngắn hạn.



CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu Phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2015 kết thúc ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ trong khoảng thời gian trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ SXKD thông thường kể từ thời điểm trả trước được phân loại là dài hạn.

7. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn.
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

8. Ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí trả trước liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh trong nhiều năm tài chính được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng đất giai đoạn 1 tại khu vực mỏ sét được phân bổ trên cơ sở tổng sản lượng được phép khai thác và sản lượng thực tế khai thác. Chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng đất giai đoạn 2 (chưa khai thác) thì chưa phân bổ chi phí này.

10. Nguồn vốn chủ sở hữu

Ghi nhận cổ tức : Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng Quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các quy định pháp lý hiện hành. Việc phân phối cổ tức cho cổ đông được thực hiện trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH NGÓI CAO CẤP

246 Khu Phố Cây Chàm, P. Thạnh Phước, TX Tân Uyên, Bình Dương

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính 2015 kết thúc ngày 31/12/2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thể hiện bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

cổ đông được thực hiện trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chưa chịu thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt (VND)	84.236.877	925.394.968
- Tiền gửi ngân hàng	1.606.442.915	300.686.883
+ Tiền gửi (VND)	1.604.444.416	244.032.873
+ Tiền gửi (USD)	1.998.499	56.654.010
- Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000	8.500.000.000
+ Tiền gửi có kỳ hạn	8.000.000.000	8.500.000.000
<i>Tiền gửi kỳ hạn 1 tháng</i>	<i>4.000.000.000</i>	<i>7.000.000.000</i>
<i>Tiền gửi kỳ hạn 2 tháng</i>	<i>2.000.000.000</i>	-
<i>Tiền gửi kỳ hạn 3 tháng</i>	<i>2.000.000.000</i>	<i>1.500.000.000</i>
Cộng	9.690.679.792	9.726.081.851

2. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

2.1. Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Vật Liệu Và Xây Dựng Bình Dương	529.111.935	233.553.870
Đại lý Nguyễn Thị Xuân	411.160.000	-
Đại lý Công Ty TNHH MTV TM DV XD Mai Nguyễn	169.059.658	200
Đối tượng khác	28.454.614	65.402.976
Cộng	1.137.786.207	298.957.046

2.2. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Vật Liệu Và Xây Dựng Bình Dương	529.111.935	233.553.870
--	-------------	-------------

3. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

3.1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

a. Ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng	-	1.000.000.000
Cộng	-	1.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
4.1. Ngắn hạn				
- Tạm ứng	997.000	-	44.067.072	-
- Ký cược, ký quỹ	200.000.000	-	800.000.000	-
+ Đặt cọc mua đất mở sết	200.000.000	-	800.000.000	-
- Phải thu khác	65.016.525	-	66.856.910	-
+ Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	18.763.889	-	27.458.333	-
+ Phải thu lại BHXH - theo quyết toán BHXH	46.252.636	-	-	-
+ Khác	-	-	39.398.577	-
Cộng	266.013.525	-	910.923.982	-
4.2. Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	255.191.821	-	232.238.061	-
+ Ký quỹ phục hồi môi trường mở sết Đồng Chanh	255.191.821	-	232.238.061	-
Cộng	255.191.821	-	232.238.061	-



5. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	10.798.346.252	-	8.386.013.571	-
- Công cụ, dụng cụ	46.479.576	-	32.528.385	-
- Chi phí SXKD dở dang	205.611.898	-	394.528.406	-
- Thành phẩm	3.081.607.274	-	3.591.009.716	-
Cộng	14.132.045.000	-	12.404.080.078	-

Ghi chú:

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm;
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả tại thời điểm cuối năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	12.104.569.494	4.633.675.633	795.818.182	31.400.145	-	17.565.463.454
Số tăng trong năm	-	1.472.298.845	-	-	-	1.472.298.845
- Mua trong năm	-	1.472.298.845	-	-	-	1.472.298.845
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	12.104.569.494	6.105.974.478	795.818.182	31.400.145	-	19.037.762.299
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	7.583.773.581	3.342.231.766	19.253.666	31.400.145	-	10.976.659.158
Số tăng trong năm	1.021.495.932	354.261.447	99.477.276	-	-	1.475.234.655
- Khấu hao trong năm	1.021.495.932	354.261.447	99.477.276	-	-	1.475.234.655
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	8.605.269.513	3.696.493.213	118.730.942	31.400.145	-	12.451.893.813
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	4.520.795.913	1.291.443.867	776.564.516	-	-	6.588.804.296
Tại ngày cuối năm	3.499.299.981	2.409.481.265	677.087.240	-	-	6.585.868.486

Ghi chú:

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo khoản vay
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình chờ thanh lý
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình

	Số cuối năm	Số đầu năm
:	Không có	Không có
:	2.384.634.988	2.384.634.988
:	Không có	Không có
:	Không có	Không có
:	Không có	Không có



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
7.1. Ngắn hạn		
- Chi phí bốc dỡ đất tăng phủ, khai mương, đắp đê tại mỏ sét Đồng Chanh	449.147.704	1.508.242.718
- Chi phí dời đất ủ, xà bần	38.150.000	-
Cộng	487.297.704	1.508.242.718
7.2. Dài hạn		
- Chi phí đền bù mua đất mỏ sét Đồng Chanh	31.932.385.726	26.652.599.737
<i>Trong đó, chi phí đền bù, chuyển nhượng quyền sử dụng đất của khu vực mỏ chưa khai thác (giai đoạn 2), chưa phân bổ chi phí</i>	<i>19.618.661.500</i>	<i>12.365.747.000</i>
- Chi phí phát sinh trong giai đoạn XDCB mỏ sét Đồng Chanh	452.396.722	524.890.196.729
- Chi phí pallet chất xếp sản phẩm	153.828.121	205.078.125
- Chi phí thay tole nhựa coposite trại phơi sấy	82.789.314	300.247.402
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	28.794.624	86.383.980
- Chi phí di dời cát kẹp tại mỏ sét	727.288.870	-
Cộng	33.377.483.377	27.769.199.440

8 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
8.1. Ngắn hạn				
DNTN Trọng Phát	479.688.000	479.688.000	-	-
DNTN Dững Gò Công	208.725.000	208.725.000	300.665.000	300.665.000
Công Ty TNHH MTV Hoàng Khánh Ngọc	155.114.300	155.114.300	557.506.400	557.506.400
Đối tượng khác	107.995.706	107.995.706	273.878.456	273.878.456
Cộng	951.523.006	951.523.006	1.132.049.856	1.132.049.856

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

9 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
9.1. Ngắn hạn				
Công Ty TNHH MTV TM DV Vận Tải Như Vân	504.192	504.192	335.581.000	335.581.000
Cơ Sở SX Gạch Thành Chung	-	-	1.176.305.000	1.176.305.000
DNTN Minh Tiến	146.422	146.422	789.110.500	789.110.500
Đối tượng khác	10.433.751	10.433.751	565.057.318	565.057.318
Cộng	11.084.365	11.084.365	2.866.053.818	2.866.053.818

10 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
10.1. Thuế và các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	73.529.220	3.553.426.963	3.371.715.239	255.240.944
Thuế thu nhập doanh nghiệp	322.116.808	3.599.960.449	2.323.116.808	1.598.960.449
Thuế tài nguyên	-	1.238.957.607	1.165.694.538	73.263.069
Phí bảo vệ môi trường	-	202.060.000	188.644.000	13.416.000
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.675.776.240	1.058.815.510	1.177.028.446	1.557.563.304
Thuế môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	2.071.422.268	9.656.220.529	8.229.199.031	3.498.443.766
10.2. Thuế và các khoản phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	13.367.607	166.222.340	167.430.546	12.159.401
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	13.983.648	12.809.821	26.793.469	-
Cộng	27.351.255	179.032.161	194.224.015	12.159.401

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi: theo quyết định của cơ quan thuế.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

11 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
11.1. Ngắn hạn		
- Trích trước chi phí khuyến mãi khách hàng đạt doanh số tiêu thụ gạch ngói	54.000.000	52.000.000
- Chi phí hội nghị khách hàng, hội nghị người lao động	153.000.000	-
- Chi phí khác	75.000.000	36.488.000
Cộng	<u>282.000.000</u>	<u>88.488.000</u>

12 PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
12.1. Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	138.054.479	106.783.813
- Kinh phí công đoàn	15.659.680	-
- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn	50.000.000	50.000.000
+ Cung cấp xỉ than đá	50.000.000	50.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	373.999.410	295.775.280
+ Thuế TNCN nộp hộ người bán đất	372.612.410	294.388.280
+ Khác	1.387.000	1.387.000
Cộng	<u>577.713.569</u>	<u>452.559.093</u>

13 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
13.1. Dài hạn		
- Chi phí cải tạo phục hồi môi trường mỏ sét	264.625.446	183.197.071
Cộng	<u>264.625.446</u>	<u>183.197.071</u>

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

14 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
14.1. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời		
+ Chi phí hội nghị người lao động cơ sở, hội nghị khách hàng	282.000.000	-
+ Phí phục hồi môi trường mỏ sét	264.625.446	183.197.071
+ Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.968.421.748	1.675.776.240
+ Tiền đền bù đất mỏ sét và chi phí ban đầu	1.422.056.251	-
Cộng	3.937.103.445	1.858.973.311
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>787.420.689</u>	<u>408.974.128</u>
14.2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tạm thời		
+ Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	18.763.889	27.458.333
Cộng	18.763.889	27.458.333
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	22%
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	<u>3.752.778</u>	<u>6.040.833</u>

5011729
CÔNG TY
HỮU TỬ
HÌNH KẾ
KIỂM TOÁN
HÓA NA
P. HỒ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**15.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	46.683.000.000	(730.457.045)	1.583.077.928	3.142.021.637	2.745.611.689	53.423.254.209
- Điều chuyển quỹ CSH	-	-	3.142.021.637	(3.142.021.637)	-	-
- Lợi nhuận tăng trong năm trước	-	-	-	-	10.283.632.943	10.283.632.943
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.554.885.301)	(1.554.885.301)
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao, thưởng BQL</i>	-	-	-	-	(1.028.363.294)	-
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	1.028.363.294	-	(7.885.110.000)	(7.885.110.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	2.560.886.037	54.266.891.851
Số dư cuối năm trước	46.683.000.000	(730.457.045)	5.753.462.859	-	2.560.886.037	54.266.891.851
- Lợi nhuận tăng trong năm nay	-	-	-	-	10.918.998.927	10.918.998.927
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.711.007.132)	(1.711.007.132)
+ <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thù lao, thưởng BQL</i>	-	-	-	-	(1.091.899.893)	-
+ <i>Quỹ đầu tư phát triển</i>	-	-	1.091.899.893	-	(3.246.810.000)	(3.246.810.000)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	7.430.167.939	60.228.073.646
Số dư cuối năm	46.683.000.000	(730.457.045)	6.845.362.752	-	7.430.167.939	60.228.073.646

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

15.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vốn góp của công ty Nhà nước	13.953.600.000	13.953.600.000
- Cổ phiếu quỹ (mệnh giá)	300.000.000	300.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	32.429.400.000	32.429.400.000
Cộng	46.683.000.000	46.683.000.000

15.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	46.683.000.000	46.683.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	46.683.000.000	46.683.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	3.246.810.000	7.885.110.000

15.4. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.668.300	4.668.300
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.668.300	4.668.300
+ Cổ phiếu phổ thông	4.668.300	4.668.300
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	30.000	30.000
+ Cổ phiếu phổ thông	30.000	30.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.638.300	4.638.300
+ Cổ phiếu phổ thông	4.638.300	4.638.300
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu

15.5. Cổ tức

	Năm nay	Năm trước
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông :		
Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2015	2,0%	
Chia cổ tức năm 2014		17,0%
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi :	không phát sinh	không phát sinh
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận :	không phát sinh	không phát sinh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

1.1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán gạch ngói	40.982.210.338	33.751.201.221
- Doanh thu bán đất sét, cát xây dựng	9.057.054.473	16.639.853.948
- Các khoản giảm trừ doanh thu		
+ Thuế gián thu bao gồm trong giá bán	(1.067.972.846)	-

Cộng

48.971.291.965 **50.391.055.169**

1.2. Doanh thu đối với các bên liên quan

Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương (Cổ đông lớn)	16.061.869.719	12.475.920.934
--	----------------	----------------

CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

48.971.291.965 **50.391.055.169**

2 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn sản phẩm gạch ngói	25.328.660.538	26.175.241.666
- Giá vốn đất sét, cát kẹp	4.689.063.993	6.803.205.747

Cộng

30.017.724.531 **32.978.447.413**

3 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi	248.594.100	578.657.907
- Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn chưa đáo hạn	18.763.889	27.458.333
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.046.306	
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	17.055	776.205

Cộng

270.421.350 **606.892.445**

4 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	-	840.000

Cộng

- **840.000**

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

5. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Xử lý nguyên vật liệu thừa từ kết quả kiểm kê năm trước	106.783.813	104.425.478
- Thanh lý tài sản	-	355.454.545
- Các khoản khác	4.960.363	2.031.168
Cộng	111.744.176	461.911.191

6. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
- Thanh lý tài sản	-	4.484.259
- Tiền cấp quyền KTKS bổ sung của các năm trước theo thông báo của tỉnh Bình Dương	186.198.264	-
- Các khoản khác	264.797	2.614.782
Cộng	186.463.061	7.099.041

7. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
7.1. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên bán hàng	36.631.000	99.946.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	-	729.798
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	516.496.131	276.566.941
- Chi phí bằng tiền khác	164.596.364	165.050.000
Cộng	717.723.495	542.292.739

7.2. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	3.145.965.865	3.719.330.972
- Chi phí vật liệu quản lý	30.302.465	28.452.192
- Chi phí đồ dùng văn phòng	46.619.997	34.478.182
- Chi phí khấu hao TSCĐ	104.376.168	72.592.998
- Thuế, phí, lệ phí	29.793.469	26.731.897
- Chi phí dự phòng	43.893.000	92.113.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	257.079.679	280.670.716
- Chi phí bằng tiền khác	635.291.001	471.410.034
Cộng	4.293.321.644	4.725.779.991

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

8 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.046.067.470	13.789.374.857
- Chi phí công cụ	184.345.176	135.910.955
- Chi phí nhân công	11.203.754.938	11.195.791.640
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.458.405.221	1.598.516.722
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.477.089.150	4.581.832.348
- Chi phí bằng tiền khác	6.190.278.829	5.016.868.494
Cộng	37.559.940.784	36.318.295.016

9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu Thuế năm hiện hành	3.599.960.449	3.177.591.200
Cộng	3.599.960.449	3.177.591.200

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định như sau:

	Năm nay	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.138.224.760	13.205.399.621
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN		
+ Chênh lệch vĩnh viễn: Tăng (+), Giảm (-)	138.407.250	75.358.000
+ Chênh lệch tạm thời: Tăng (+), Giảm (-)	2.086.824.578	1.162.838.744
- Chuyển lỗ các năm trước	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	16.363.456.588	14.443.596.365
- Thuế TNDN hiện hành tính Trên thu nhập chịu Thuế năm hiện hành	3.599.960.449	3.177.591.200
+ Thuế TNDN theo thuế suất thông thường	3.599.960.449	3.177.591.200

CÔNG TY
 CH NHIỆM HỮU H
 VỤ TƯ V
 KẾ T
 KIỂM TOÁN
 HÓA NAM
 TP. HỒ C

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

10 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản Chênh lệch tạm thời phải chịu Thuế	3.752.778	6.040.835
- Chi phí Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(439.268.614)	(234.501.329)
- Thu nhập Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	60.822.055	-
- Thu nhập Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc Hoàn nhập Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(6.040.835)	(27.364.028)
Cộng	(380.734.616)	(255.824.522)

11 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	10.918.998.927	10.283.632.943
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	1.711.007.132	1.554.885.301
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.638.300	4.638.300
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.985	1.882

12 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	10.918.998.927	10.283.632.943
Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích từ lợi nhuận sau thuế	1.711.007.132	1.554.885.301
Số lượng CP phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Số lượng CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.638.300	4.638.300
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	1.985	1.882

(*) Trình bày lại chỉ tiêu năm trước theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính.

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

3. Thông tin về các bên liên quan

3.1. Bên có liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Cổ đông lớn

3.2. Giao dịch với bên có liên quan

- Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	862.555.000	893.425.000
Tiền thưởng	330.496.000	443.090.000
Thù lao của HĐQT và BKS	274.701.000	276.856.000

- Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty với các bên có liên quan trong năm tài chính như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay
Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Phải thu tiền bán sản phẩm	17.668.056.728
	Đã thu tiền bán sản phẩm	17.372.498.663
	Phải trả tiền mua vật tư, nhiên liệu	780.441.000
	Đã trả tiền mua vật tư, nhiên liệu	780.441.000
	Phải trả tiền hợp đồng quảng cáo	501.642.847
	Đã trả tiền hợp đồng quảng cáo	501.642.847

- Tại ngày kết thúc năm tài chính, tình hình công nợ giữa Công ty với các bên có liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Vật liệu và Xây dựng Bình Dương	Phải thu tiền bán sản phẩm	529.111.935	233.553.870

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

4. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

4.1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, Công ty được tổ chức quản lý và hạch toán hoạt động kinh doanh của Công ty theo các lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Sản xuất, kinh doanh gạch ngói		Khai thác, kinh doanh đất sét, cát kẹp		Tổng
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
Kết quả kinh doanh bộ phận					
- Doanh thu	40.982.210.338	33.751.201.221	9.057.054.473	16.639.853.948	50.391.055.169
- Giảm trừ doanh thu	-	-	1.067.972.846	-	1.067.972.846
- Giá vốn	25.328.660.538	26.175.241.666	4.689.063.993	6.803.205.747	32.978.447.413
- Lợi nhuận gộp	15.653.549.800	7.575.959.555	3.300.017.634	9.836.648.201	17.412.607.756
Khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn					
- Chi phí khấu hao trong kỳ	1.273.281.447	1.430.222.382	201.953.208	201.953.208	1.632.175.590
- Chi phí trả trước dài hạn phân bổ trong kỳ	488.200.175	454.070.046	2.180.411.034	1.049.989.722	1.504.059.768

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

4.1. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Chỉ tiêu	Sản xuất, kinh doanh gạch ngói		Khai thác, kinh doanh đất sét, cát kẹp		Tổng
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
Tài sản bộ phận					
- Tài sản cố định hữu hình					
Nguyên giá	16.896.867.602	15.424.568.757	2.140.894.697	2.140.894.697	19.037.762.299
Hao mòn lũy kế	11.252.998.236	9.979.716.789	1.198.895.577	996.942.369	12.451.893.813
Giá trị còn lại	5.643.869.366	5.444.851.968	941.999.120	1.143.952.328	6.585.868.486
- Chi phí trả trước dài hạn					
Giá trị ban đầu	1.307.245.489	1.752.882.176	45.674.521.272	35.648.695.917	46.981.766.761
Phân bổ lũy kế	1.041.833.430	1.161.172.669	12.562.449.954	8.471.205.984	13.604.283.384
Giá trị còn lại	265.412.059	591.709.507	33.112.071.318	27.177.489.933	33.377.483.377
- Tài sản không phân bổ					
- Tổng tài sản					
					66.806.646.002
					61.933.751.700



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

5. QUẢN LÝ RỦI RO CỦA CÔNG TY

Rủi ro trọng yếu phát sinh từ các công cụ tài chính của Công ty là rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã thiết lập hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc Công ty xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro trên như sau:

5.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

a. Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái. Trong năm nay, các nghiệp vụ bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ là không đáng kể.

Độ nhạy về ngoại tệ

Do công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Do đó, rủi ro về ngoại tệ của Công ty là không trọng yếu. Tại thời điểm cuối năm, Công ty có số dư gốc ngoại tệ không đáng kể nên Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ.

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

c. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá khác:

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái. Vấn đề này không ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty.

5.2. Rủi ro về tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không có khả năng thực hiện được các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng).

a. Đối với khoản phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng nhiều biện pháp khác nhau tùy theo nhóm đối tượng khách hàng. Cụ

+ Đối với nhà phân phối: Công ty có 2 nhà phân phối là những đơn vị có tình hình tài chính tốt, chuyên kinh doanh vật liệu xây dựng. Trong đó, Công ty TNHH MTV Vật liệu và xây dựng Bình Dương vừa là cổ đông lớn, vừa là nhà phân phối của Công ty. Các nhà phân phối sẽ được nhận hàng trong tháng, cuối tháng sẽ được quyết toán và đầu tháng sau phải thanh toán toàn bộ tiền hàng cho Công ty.

+ Đối với các đại lý: các đại lý đặt cọc một khoản tiền nhất định và thanh toán trước khi nhận hàng.

+ Đối với các đối tượng còn lại: thanh toán tiền hàng trước khi nhận hàng.

Nhìn chung, Công ty đã có các biện pháp phòng ngừa rủi ro phải thu khách hàng thích hợp nên rủi ro này được đánh giá là thấp.

b. Đối với tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp mà Giám đốc cho là đủ đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	< 1 năm	Từ 01 - 05 năm	> 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả người bán	951.523.006	-	-	951.523.006
Phải trả người lao động	172.648.000	-	-	172.648.000
Chi phí phải trả	282.000.000	-	264.625.446	546.625.446
Các khoản phải trả khác	577.713.569	-	-	577.713.569
Cộng	1.983.884.575	-	264.625.446	2.248.510.021
Số đầu năm				
Phải trả người bán	1.132.049.856	-	-	1.132.049.856
Phải trả người lao động	121.620.000	-	-	121.620.000
Chi phí phải trả	88.488.000	-	183.197.071	271.685.071
Các khoản phải trả khác	452.559.093	-	-	452.559.093
Cộng	1.794.716.949	-	183.197.071	1.977.914.020

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Tài sản đảm bảo

6.1. Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty không có tài sản thế chấp nào cho đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

6.2. Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

7. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính như sau:

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.690.679.792	9.726.081.851	9.690.679.792	9.726.081.851
Phải thu khách hàng	1.137.786.207	298.957.046	1.137.786.207	298.957.046
Trả trước cho người bán	74.700.000	146.600.000	74.700.000	146.600.000
Các khoản phải thu khác	521.205.346	1.143.162.043	521.205.346	1.143.162.043
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	951.523.006	1.132.049.856	951.523.006	1.132.049.856
Người mua trả tiền trước	11.084.365	2.866.053.818	11.084.365	2.866.053.818
Vay và nợ	-	-	-	-
Phải trả người lao động	172.648.000	121.620.000	172.648.000	121.620.000
Chi phí phải trả	282.000.000	88.488.000	282.000.000	88.488.000
Các khoản phải trả khác	842.339.015	635.756.164	842.339.015	635.756.164

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết, mong muốn giao dịch, trong một giao dịch trao đổi ngang giá.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý: giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá lại vào ngày cuối năm. Tuy nhiên, Ban Giám đốc cho rằng không có sự chênh lệch trọng yếu về giá trị ghi sổ với giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính của nó tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các khoản đầu tư dài hạn của Công ty và Công ty chưa có dự định nào để bán các tài sản tài chính này trong tương lai gần.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

8. MỘT SỐ CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH DOANH

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số cuối năm	Số đầu năm
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn / Tổng số tài sản	%	38,6%	42,0%
Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	61,4%	58,0%
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	%	9,8%	12,4%
Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	%	90,2%	87,6%
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán tức thời	lần	1,50	1,30
Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,80	1,80
Khả năng thanh toán hiện hành	lần	4,10	3,50
Tỷ suất sinh lợi		Năm nay	Năm trước
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	28,9%	26,2%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	22,3%	20,4%
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản bình quân			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản bình quân	%	22,0%	21,1%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân	%	17,0%	16,4%
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân	%	19,1%	19,1%

9. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

10. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán. Số liệu này được phân loại lại theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính để so sánh.

Thực hiện theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 20/12/2014 của Bộ Tài chính, Công ty thực hiện điều chỉnh một số chỉ tiêu đầu năm của Bảng cân đối kế toán cho năm tài chính 2015 kết thúc vào ngày 31/12/2015 và số liệu của Báo cáo Kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2014 như sau:

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Trình bày trên BCTC kết thúc ngày 31/12/2014	Điều chỉnh	Trình bày lại trên BCTC kết thúc ngày 31/12/2015
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN					
TÀI SẢN					
1	Phải thu ngắn hạn khác	135	66.856.910	844.067.072	910.923.982
2	Tài sản ngắn hạn khác	155	844.067.072	(844.067.072)	-
3	Phải thu dài hạn khác	216	-	232.238.061	232.238.061
4	Tài sản dài hạn khác	268	232.238.061	(232.238.061)	-
5	Hàng tồn kho	141	13.316.378.923	(912.298.845)	12.404.080.078
6	Thiết bị vật tư phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	912.298.845	912.298.845
NGUỒN VỐN					
7	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	271.685.071	(183.197.071)	88.488.000
8	Dự phòng phải trả dài hạn	342	-	183.197.071	183.197.071
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.217	(335)	1.882
2	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	-	1.882	1.882

Bình Dương, ngày 14 tháng 03 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Hứa Ngọc Chính

Hứa Ngọc Chính

Đỗ Thành Lộc

